



CÔNG TY CỔ PHẦN IN TÀI CHÍNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2017 ĐẾN NGÀY 31/03/2017
(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN TÀI CHÍNH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2017 ĐẾN NGÀY 31/03/2017
(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)

CÔNG TY CỔ PHẦN IN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 24, ngõ 115, Phố Trần Cung, P.Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 24
<i>Phụ lục số 01: Thuyết minh thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước</i>	25
<i>Phụ lục số 02: Vay và nợ thuê tài chính</i>	26 – 27
<i>Phụ lục số 03: Tăng, giảm vốn chủ sở hữu</i>	28

CÔNG TY CỔ PHẦN IN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 24, ngõ 115, Phố Trần Cung, P.Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần In Tài chính (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần In tài chính là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV In tài chính - Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0100111225 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 18/10/2010. Tại ngày 25/12/2015, Công ty hoàn tất các thủ tục cổ phần hóa, chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần In tài chính và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 25/12/2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp với tên gọi mới là Công ty Cổ phần In Tài chính.

Vốn điều lệ của Công ty là 200.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 20.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Vốn góp thực tế tại ngày 31/03/2017 như sau:

	Số cổ phần	Số tiền tương ứng	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
1. Cổ phần do nhà nước nắm giữ	9.800.000	98.000.000.000	49%
2. Cổ đông khác	10.200.000	102.000.000.000	51%

CÁC SỰ KIỆN TRONG NĂM ẢNH HƯỞNG LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy trong năm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 06 đến trang 29.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị bao gồm

Bà Trương Thị Dinh	Chủ tịch
Ông Phan Phương Anh	Thành viên
Bà Lê Thanh Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Hải Minh	Thành viên
Ông Đàm Quang Tùng	Thành viên

CÔNG TY CỔ PHẦN IN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 24, ngõ 115, Phố Trần Cung, P.Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc

Bà Trương Thị Dinh	Tổng Giám đốc
Ông Trần Hồng Tuyển	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thanh Hà	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kế toán, Kiểm toán Việt Nam (VNAA).

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng cam kết về tính đầy đủ, hiện hữu và giá trị của các khoản công nợ phải thu, phải trả và tài sản của Công ty tại thời điểm 31/03/2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/03/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Trương Thị Dinh



Số: 121/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần In Tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần In Tài chính, được lập ngày 23/06/2017, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/03/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Tel : 084 3736 7659
: 084 3736 8309
Fax : 084 3736 7622
Email : vaa@vnn.vn
Add : 16A Ngõ 181 Trường Chinh, Thanh Xuân, Hà Nội

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Công ty chưa tính giá thành chi tiết theo các hướng dẫn của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Nếu áp dụng phương pháp tính giá thành sản phẩm chi tiết theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam thì chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm và giá vốn hàng bán của Công ty có thể thay đổi. Chúng tôi cũng không thực hiện được thủ tục kiểm tra thay thế, do đó chúng tôi không đưa ra nhận xét về các ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In tài chính tại ngày 31/03/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



PHẠM THỊ HOẠT

Giám đốc

Giấy CNDKHNKT số 0503-2013-150-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KẾ TOÁN,
KIỂM TOÁN VIỆT NAM (VNAA)**

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2017

PHẠM THỊ DIỄM

Kiểm toán viên

Giấy CNDKHNKT số 2470-2015-150-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		155.728.118.912	163.255.290.293
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	39.274.229.711	46.090.428.483
1. Tiền	111		6.143.160.918	13.090.428.483
2. Các khoản tương đương tiền	112		33.131.068.793	33.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	50.287.342.466	50.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		50.287.342.466	50.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		41.200.146.171	45.114.349.658
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	36.271.474.792	42.348.442.789
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		803.617.440	866.813.708
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	4.125.053.939	1.899.093.161
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	24.833.705.690	21.800.037.309
1. Hàng tồn kho	141		24.833.705.690	21.800.037.309
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		132.694.874	250.474.843
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	115.898.415	250.474.843
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	16.796.459	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		125.058.545.699	132.158.665.780
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		92.245.236.251	98.022.341.761
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	39.934.927.412	43.727.889.705
- Nguyên giá	222		228.368.480.393	227.193.480.393
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(188.433.552.981)	(183.465.590.688)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.07	34.778.794.610	36.615.614.178
- Nguyên giá	225		103.085.985.987	103.085.985.987
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(68.307.191.377)	(66.470.371.809)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	17.531.514.229	17.678.837.878
- Nguyên giá	228		35.720.849.261	35.720.849.261
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(18.189.335.032)	(18.042.011.383)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.09	9.919.750.566	9.662.642.517
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.919.750.566	9.662.642.517
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		22.893.558.882	24.473.681.502
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	22.893.558.882	24.473.681.502
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		280.786.664.611	295.413.956.073

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/03/2017	01/01/2017
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		68.181.003.729	82.125.968.694
I. Nợ ngắn hạn	310		39.117.938.394	53.062.903.359
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	12.174.264.118	17.299.051.907
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.970.394.474	4.119.412.575
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	149.733.385	4.202.421.226
4. Phải trả người lao động	314		7.279.222.715	10.056.841.309
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	388.562.087	492.942.532
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	695.774.617	6.761.448.148
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	7.053.932.886	9.868.213.848
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		406.054.112	262.571.814
II. Nợ dài hạn	330		29.063.065.335	29.063.065.335
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	433.242.000	433.242.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	28.629.823.335	28.629.823.335
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		212.605.660.882	213.287.987.379
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	212.605.660.882	213.287.987.379
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.605.660.882	13.287.987.379
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		280.786.664.611	295.413.956.073

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Người lập biểu



Kế toán trưởng



Trần Duy Hưng

Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2017

Tổng Giám đốc



Trương Thị Dinh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.17	42.792.063.795	57.283.696.921
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		42.792.063.795	57.283.696.921
4. Giá vốn hàng bán	11	V.18	36.176.209.505	48.428.048.037
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.615.854.290	8.855.648.884
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.19	1.116.286.504	766.603.076
7. Chi phí tài chính	22	V.20	723.157.085	1.020.095.403
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		723.157.085	1.020.095.403
8. Chi phí bán hàng	25		2.104.551.277	1.848.441.314
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.227.709.791	3.388.648.344
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		676.722.641	3.365.066.899
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		4.068.127	-
13. Lợi nhuận khác	40		(4.068.127)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		672.654.514	3.365.066.899
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.21	133.819.687	934.872.000
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		538.834.827	2.430.194.899

Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Trần Duy Hưng

Trương Thị Dinh

3006
HỌ
TÊN
N. KIẾ
ỆT N
XUÂN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		60.004.690.286	83.955.955.894
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ khác	02		(37.758.757.151)	(40.868.606.071)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(7.856.234.485)	(7.707.860.207)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(910.658.926)	(630.249.337)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(1.181.856.414)	(351.324.975)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		546.294.200	292.450.078
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(15.975.819.305)	(12.176.847.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(3.132.341.795)	22.513.517.582
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21		(1.203.995.835)	(155.500.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	(16.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		334.419.820	274.371.802
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(869.576.015)	(15.881.128.198)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.814.280.962)	(2.814.280.962)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(2.814.280.962)	(2.814.280.962)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(6.816.198.772)	3.818.108.422
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		46.090.428.483	84.522.777.774
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		39.274.229.711	88.340.886.196

Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc




Trần Duy Hưng

Trương Thị Định



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần In tài chính là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV In tài chính - Công ty hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0100111225 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 18/10/2010. Tại ngày 25/12/2015, Công ty hoàn tất các thủ tục cổ phần hóa, chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần In tài chính và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 25/12/2015 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp với tên gọi mới là Công ty Cổ phần In Tài chính.

Trụ sở chính của Công ty tại số 24 ngõ 115 phố Trần Cung, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Công ty có chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh tại địa chỉ số 132 đường Cộng Hòa, quận Tân Bình, thành Phố Hồ Chí Minh.

2. Ngành nghề kinh doanh

- In ấn và các dịch vụ liên quan đến in;
- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành in;
- Bán buôn máy in, giấy các loại;
- Bán buôn kèm thành phẩm;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh

3. Cấu trúc doanh nghiệp

Tính đến thời điểm 31/03/2017, Công ty có 01 chi nhánh hạch toán phụ thuộc, bao gồm:

TT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1.	Chi nhánh Công ty Cổ phần In tài chính	132 Cộng Hòa, phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán thông thường của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo này được lập Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ tài chính ban hành ngày 22/12/2014 và thông tư 53/2016/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200 để lập và trình bày báo cáo tài chính Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty đang xác định giá trị tồn kho của thành phẩm tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán bằng cách kiểm đếm số lượng các thành phẩm đang tồn tại thời điểm cuối kỳ rồi nhân với đơn giá bán trên hợp đồng đã ký với nhà cung cấp và nhân với 60% là giá trị tồn kho thành phẩm bằng giá trị nguyên vật liệu

Công ty đang xác định giá trị tồn kho của Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm cuối năm bằng cách đánh giá chi phí nguyên vật liệu cấu thành nên chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và chi phí sản xuất chung được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu bán hàng trên doanh thu hợp đồng mà không có chi phí nhân công.

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Công ty, chính sách đánh giá giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm như đã nêu trên là phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế tại Công ty.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế giá trị gia tăng) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến tài sản cố định thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	08 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, vật truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05 năm
- Chương trình phần mềm	04 năm
- Quyền sử dụng đất	50 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các khoản công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn; lợi thế thương mại. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản. Khoản phải trả bao gồm các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng (dưới một chu kỳ sản xuất kinh doanh) tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng quy định hiện hành.

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ

Khi lập BCTC số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay trong kỳ là 0%.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi có đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày lập BCTC.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu bán hàng hóa

Được ghi nhận khi có đủ các điều kiện sau:

- Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:
- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ; Các khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

18. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/03/2017	01/01/2017
1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN		
Tiền mặt	1.117.127.330	525.045.026
Tiền gửi ngân hàng	5.026.033.588	12.565.383.457
Các khoản tương đương tiền (i)	33.131.068.793	33.000.000.000
Cộng	39.274.229.711	46.090.428.483

Ghi chú (i): các khoản tương đương tiền cuối kỳ bao gồm hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Bắc Hà Nội với lãi suất 4,3% và hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Thăng Long với lãi suất 4,8%; Ngân hàng TMCP Tiên Phong với lãi suất 5,2%

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/03/2017	01/01/2017
2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
	Giá gốc	Giá gốc
	Giá trị ghi sổ	Giá trị ghi sổ
a) Ngắn hạn	50.287.342.466	50.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn (i)	50.287.342.466	50.000.000.000

Ghi chú (i): Tiền gửi có kỳ hạn cuối kỳ là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 05 - 06 tháng tại Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Bắc Hà Nội, Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Hội sở, Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long với lãi suất 5,5 - 5,8%/năm

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/03/2017	01/01/2017
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	36.271.474.792	42.348.442.789
- Tổng cục thuế	6.006.448.923	17.226.563.023
- Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam	2.781.747.236	1.940.910.821
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	2.089.522.169	1.945.038.269
- Cục Đăng kiểm Việt Nam	8.185.366	8.185.366
- Báo thiếu niên tiền phong	6.250.011.138	4.290.290.285
- Cục thuế TPHCM	2.805.352.000	3.377.352.000
- Chi nhánh Công ty Cổ phần BOT đường tránh Thanh Hóa	297.820.600	297.820.600
- Cục thuế Hà Nội	1.010.740.500	638.060.500
- Các đối tượng khác	15.021.646.860	12.624.221.925

4. PHẢI THU KHÁC

	31/03/2017	01/01/2017
	Giá trị	Giá trị
	Dự phòng	Dự phòng
a) Ngắn hạn	4.125.053.939	1.899.093.161
- Phải thu khác	4.125.053.939	1.899.093.161
+ Phải thu của CBCNV	107.754.751	114.059.805
+ Lãi dự thu	823.579.774	821.381.900
+ Phải thu về cổ phần hóa	-	-
+ Phải thu ngắn hạn khác	3.189.318.914	955.250.956
- Kỳ quỹ, kỳ cược	4.400.500	8.400.500
b) Dài hạn	-	-
- Phải thu khác	-	-
Cộng	4.125.053.939	1.899.093.161

CÔNG TY CỔ PHẦN IN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 24, ngõ 115, Phố Trần Cung, P.Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

5. HÀNG TỒN KHO

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	19.828.136.048	-	19.561.176.342	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.551.115.201	-	416.501.029	-
Thành phẩm	454.454.441	-	1.822.359.938	-
Hàng hóa	-	-	-	-
Cộng	24.833.705.690	-	21.800.037.309	-

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PT vận tải, vật truyền dẫn	Thiết bị DCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	49.079.973.978	164.233.066.091	7.574.149.059	6.306.291.265	227.193.480.393
Số tăng trong kỳ	-	1.175.000.000	-	-	1.175.000.000
- Mua sắm trong kỳ	-	1.175.000.000	-	-	1.175.000.000
- Tăng do phân loại lại	-	-	-	0	0
- Tăng khác	-	-	-	-	0
Số giảm trong kỳ	-	0	-	-	0
- Giảm do phân loại lại	-	-	-	-	0
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Bàn giao về VMAC	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	0
Số dư cuối kỳ	49.079.973.978	165.408.066.091	7.574.149.059	6.306.291.265	228.368.480.393
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	31.012.560.698	141.005.136.055	5.440.785.272	6.007.108.663	183.465.590.688
Số tăng trong kỳ	929.139.271	3.816.568.401	74.624.857	147.629.764	4.967.962.293
- Khấu hao trong kỳ	929.139.271	3.816.568.401	74.624.857	147.629.764	4.967.962.293
- Tăng do phân loại lại	-	-	-	-	0
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	0
- Bàn giao về VAMC	-	-	-	-	0
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	0
- Giảm khác	-	-	-	-	0
Số dư cuối kỳ	31.941.699.969	144.821.704.456	5.515.410.129	6.154.738.427	188.433.552.981
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	18.067.413.280	23.227.930.036	2.133.363.787	299.182.602	43.727.889.705
Tại ngày cuối kỳ	17.138.274.009	20.586.361.635	2.058.738.930	151.552.838	39.934.927.412

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: xem thuyết minh V.15

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 19.786.074.869 đồng.

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Cộng
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu kỳ	103.085.985.987	103.085.985.987
Số tăng trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	103.085.985.987	103.085.985.987
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	66.470.371.809	66.470.371.809
Số tăng trong kỳ	1.836.819.568	1.836.819.568
- Khấu hao trong kỳ	1.836.819.568	1.836.819.568
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	68.307.191.377	68.307.191.377
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	36.615.614.178	36.615.614.178
Tại ngày cuối kỳ	34.778.794.610	34.778.794.610

8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu kỳ	33.593.194.647	2.127.654.614	35.720.849.261
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	33.593.194.647	2.127.654.614	35.720.849.261
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	15.914.356.769	2.127.654.614	18.042.011.383
Số tăng trong kỳ	147.323.649	-	147.323.649
- Khấu hao trong kỳ	147.323.649	-	147.323.649
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	16.061.680.418	2.127.654.614	18.189.335.032
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	17.678.837.878	-	17.678.837.878
Tại ngày cuối kỳ	17.531.514.229	-	17.531.514.229

Ghi chú: Công ty đang ghi nhận giá trị tài sản vô hình là quyền sử dụng đất (theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất ngày 05/12/2008 với Công ty Cổ phần Cơ khí Điện tử Lữ Gia) với số tiền 22.393.194.647. Theo đó Công ty được quyền sử dụng đất tại Khu công nghiệp Tân Bình đến ngày 17/06/2047. Công ty chưa tách riêng giá trị tài sản trên đất để hạch toán sang tài sản cố định hữu hình mà đang trình bày chung trên chỉ tiêu quyền sử dụng đất trong giá trị tài sản cố định vô hình và trích khấu hao

CÔNG TY CỔ PHẦN IN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 24, ngõ 115, Phố Trần Cung, P.Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

9. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	31/03/2017	01/01/2017
a) Xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm tài sản	9.613.362.203	9.501.244.972
- Xây dựng cơ bản	306.388.363	161.397.545
Tổ hợp chung cư và VP cho thuê TPHCM	172.263.545	27.272.727
Xưởng SX-VP/Công ty ITC-2012	134.124.818	134.124.818
Cộng	9.919.750.566	9.662.642.517

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/03/2017	01/01/2017
a) Ngắn hạn	115.898.415	250.474.843
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	112.829.552	237.285.717
- Chi phí Bảo hiểm	3.068.863	13.189.126
b) Dài hạn	22.893.558.882	24.473.681.502
- Lợi thế kinh doanh	22.220.168.069	23.708.125.752
- Chênh lệch đánh giá công cụ dụng cụ	211.850.566	284.072.348
- Chi phí dài hạn khác	461.540.247	481.483.402
Cộng	23.009.457.297	24.724.156.345

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Giá trị	31/03/2017 Số có khả năng trả nợ	Giá trị	01/01/2017 Số có khả năng trả nợ
a) Phải trả người bán ngắn hạn	12.174.264.118	12.821.067.502	17.299.051.907	15.164.669.402
- Công ty Cổ phần Giấy Phụng Vĩnh Hưng	3.621.684.484	3.621.684.484	5.300.594.882	5.300.594.882
- Xi nghiệp giấy XZ 72	124.593.082	124.593.082	3.074.402.810	3.074.402.810
- Công ty CP SX và Thương mại PP	770.714.016	1.417.517.400	1.417.517.400	1.417.517.400
- Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư phát triển Công nghệ	1.303.768.620	1.303.768.620	393.932.616	393.932.616
- Công ty TNHH XNK Thuận Phát		0	40.480.079	30.579.092
- Công ty TNHH TM DV Vũ Hoàng Minh	2.389.497.579	2.389.497.579	1.346.633.244	1.346.633.244
- Các người bán khác	3.964.006.337	3.964.006.337	5.725.490.876	3.601.009.358

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Xem chi tiết tại phụ lục số 01 của Báo cáo này

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/03/2017	01/01/2017
a) Ngắn hạn	388.562.087	492.942.532
Trích trước chi phí lãi vay vốn lưu động	388.562.087	492.942.532
Cộng	388.562.087	492.942.532

CÔNG TY CỔ PHẦN IN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 24, ngõ 115, Phố Trần Cung, P.Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

14. PHẢI TRẢ KHÁC**a) Ngắn hạn**

Kinh phí công đoàn	31/03/2017	01/01/2017
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	695.774.617	6.761.448.148
Phải trả về cổ phần hóa	96.298.370	105.811.021
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	60.126.530	61.057.675
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	234.336
- Phải trả SCIC	355.526.250	342.296.250
- Đối tượng khác	183.823.467	6.252.048.866
	-	5.930.478.925
	183.823.467	321.569.941

b) Dài hạn

Phải trả dài hạn khác	433.242.000	433.242.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	433.242.000	433.242.000

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Xem chi tiết tại phụ lục số 02 của Báo cáo này

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Xem chi tiết tại phụ lục số 03 của Báo cáo này

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/03/2017	01/01/2017
Vốn góp của Nhà nước	98.000.000.000	98.000.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	102.000.000.000	102.000.000.000
Cộng	200.000.000.000	200.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	31/03/2017	01/01/2017
+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	31/03/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 đồng/1 cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: đồng

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	42.792.063.795	57.283.696.921
Cộng	42.792.063.795	57.283.696.921

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	36.176.209.505	48.428.048.037
Cộng	36.176.209.505	48.428.048.037

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.116.286.504	766.603.076
Cộng	1.116.286.504	766.603.076

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
Lãi tiền vay	723.157.085	1.020.095.403
Chi phí tài chính khác		
Cộng	723.157.085	1.020.095.403

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	133.819.687	934.872.000
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay		-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	133.819.687	934.872.000

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ 01/01/2017 đến 31/03/2017	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (a)	538.834.827	2.430.194.899
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định		
- lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (b)	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (c=a+b)	538.834.827	2.430.194.899
- Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong kỳ (d)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (e)	20.000.000	20.000.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu {f=(c-d)/e}	27	122

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.274.229.711	46.090.428.483	39.274.229.711	46.090.428.483
Phải thu khách hàng	36.271.474.792	42.348.442.789	36.271.474.792	42.348.442.789
Phải thu khác	4.125.053.939	1.899.093.161	4.125.053.939	1.899.093.161
Cộng	79.670.758.442	90.337.964.433	79.670.758.442	90.337.964.433
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán	12.174.264.118	17.299.051.907	12.174.264.118	17.299.051.907
Chi phí phải trả	388.562.087	492.942.532	388.562.087	492.942.532
Phải trả khác	1.129.016.617	7.194.690.148	1.129.016.617	7.194.690.148
Các khoản vay	35.683.756.221	38.498.037.183	35.683.756.221	38.498.037.183
Cộng	49.375.599.043	63.484.721.770	49.375.599.043	63.484.721.770

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế. Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản đảm bảo

Công ty có tài sản đảm bảo thế chấp cho các Đơn vị khác tại ngày 31/03/2017 (được thuyết minh tại V.15).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy định kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng chưa trả thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng đối với khách hàng lớn.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Dưới 01 năm	Trên 01 năm	Tổng cộng
Số cuối kỳ	20.312.533.708	29.063.065.335	49.375.599.043
Phải trả người bán	12.174.264.118	-	12.174.264.118
Chi phí phải trả	388.562.087	-	388.562.087
Phải trả khác	695.774.617	433.242.000	1.129.016.617
Các khoản vay	7.053.932.886	28.629.823.335	35.683.756.221
Số đầu năm	34.421.656.435	29.063.065.335	63.484.721.770
Phải trả người bán	17.299.051.907	-	17.299.051.907
Chi phí phải trả	492.942.532	-	492.942.532
Phải trả khác	6.761.448.148	433.242.000	7.194.690.148
Các khoản vay	9.868.213.848	28.629.823.335	38.498.037.183

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất.

Rủi ro tỷ giá

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các rủi ro lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Công ty.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

3. Thông tin so sánh

Công ty Cổ phần In tài chính được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV In tài chính kể từ ngày 25/12/2015.

- Số liệu đầu kỳ trên bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu cuối kỳ trên báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kế toán, Kiểm toán Việt Nam.

- Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017 được lấy theo số liệu kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016 của Công ty.

Hà Nội, ngày 23 tháng 06 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Duy Hưng

Trương Thị Dinh

CÔNG TY CỔ PHẦN IN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 24, ngõ 115, Phố Trần Cung, P.Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

Phụ lục số 01: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017		Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/03/2017		Đơn vị tính: đồng
	Phải thu	Phải trả			Phải thu	Phải trả	
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	2.991.275.769	1.180.061.870	4.188.134.098	16.796.459	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.181.856.414	133.819.687	1.181.856.414	-	133.819.687	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	7.886.043	107.830.827	109.177.172	-	6.539.698	-
Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	780.471.190	780.471.190	-	-	-
Thuế BVMT và các loại thuế khác	-	-	6.568.127	6.567.127	-	1.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	21.403.000	36.324.500	48.354.500	-	9.373.000	-
Cộng	-	4.202.421.226	2.245.076.201	6.314.560.501	16.796.459	149.733.385	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 24, ngõ 115, Phố Trần Cung, P.Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

Phụ lục 02: Vay và nợ thuê tài chính

	Cuối kỳ (31/03/2017)		Trong kỳ		Đầu kỳ (01/01/2017)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Á Châu (*)	2.777.760.000	2.777.760.000	-	1.388.890.000	4.166.650.000	4.166.650.000
	2.777.760.000	2.777.760.000	-	1.388.890.000	4.166.650.000	4.166.650.000
b) Vay dài hạn đến hạn trả						
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (**)	4.276.172.886	4.276.172.886	0	1.425.390.962	5.701.563.848	5.701.563.848
	4.276.172.886	4.276.172.886	-	1.425.390.962	5.701.563.848	5.701.563.848
c) Nợ thuê tài chính dài hạn						
- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (**)	28.629.823.335	28.629.823.335	-	0	28.629.823.335	28.629.823.335
	28.629.823.335	28.629.823.335	-	-	28.629.823.335	28.629.823.335
Cộng	32.905.996.221	32.905.996.221	0	1.425.390.962	34.331.387.183	34.331.387.183

(*) Bao gồm:

Số hợp tín dụng	Ngày hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Dư nợ gốc vay tại 31/03/2017	Nợ dài hạn đến hạn trả	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
- Ngân hàng TMCP Á Châu							
				2.777.760.000	2.777.760.000		
Hợp đồng số NHN.DN.01220812	07/09/2012	07/09/2017	Theo thông báo của Ngân hàng	2.777.760.000	2.777.760.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	2 máy in Offset 4 màu; 01 máy gấp; 01 máy xén 03 mặt; 02 máy vào bìa keo; 02 máy in Offset tờ rời 2 màu

CÔNG TY CỔ PHẦN IN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 24, ngõ 115, Phố Trần Cung, P.Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

Phụ lục 02: Vay và nợ thuế tài chính (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

Số hợp tín dụng	Ngày hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất vay	Dư nợ gốc vay tại 31/03/2017	Nợ dài hạn đến hạn trả	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
-----------------	---------------	--------------	--------------	------------------------------	------------------------	--------------	-----------------

- Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam

Hợp đồng số 22.14.05/CTTC	22-07-2014	19-08-2021	Theo thông báo của Ngân hàng	28.629.823.335	4.276.172.886	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	
Hợp đồng số 22.14.06/CTTC	22-07-2014	18-08-2021	Theo thông báo của Ngân hàng	7.855.268.375	1.178.290.257	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	
Hợp đồng số 116.16.03/CTTC	18-07-2016	27-07-2023	Theo thông báo của Ngân hàng	122.004.107		Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	

Nợ dài hạn thuế tài chính theo hợp đồng thuế tài chính theo hợp đồng số 22.14.05/CTTC ngày 22/07/2014. Tài sản thuế là một máy cuộn Gallus EM 430 S và một thiết bị rửa lò Anilox Ultra Clean NW-2; số tiền cho thuê là 30.415.425.078 đồng. Thời gian thuê 84 tháng kể từ ngày công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chuyển khoản tiền đầu tiên cho bên cung cấp; cứ 3 tháng trả gốc 1 lần theo lịch trả nợ gốc; lãi cho thuê được tính từ ngày bên cho thuê trả khoản tiền đầu tiên cho bên cung cấp; lãi suất cho thuê tài chính được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần và được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản VND do công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2,4%/ năm.

Nợ dài hạn thuế tài chính theo hợp đồng thuế tài chính theo hợp đồng số 22.14.06/CTTC ngày 22/07/2014. Tài sản thuế là một hệ thống in phun Kodak Prosper S-5; Số tiền cho thuê là 10.499.720.000 đồng. Thời gian thuê là 84 tháng kể từ ngày công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chuyển khoản tiền đầu tiên cho bên cung cấp; cứ 3 tháng trả gốc 1 lần theo lịch trả nợ gốc; lãi cho thuê được tính từ ngày bên cho thuê trả khoản tiền đầu tiên cho bên cung cấp; lãi suất cho thuê tài chính được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần và được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản VND do công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2,4%/ năm

Nợ dài hạn thuế tài chính theo hợp đồng thuế tài chính theo hợp đồng số 116.16.03/CTTC ngày 18/07/2016. Tài sản thuế là Hệ thống kích hoạt tem thuốc lá mã vạch hai chiều - Giai đoạn 1; Số tiền cho thuê là 10.355.655.595 đồng. Thời gian thuê 84 tháng kể từ ngày công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chuyển khoản tiền đầu tiên cho bên cung cấp lãi suất cho thuê tài chính được điều chỉnh định kỳ 6 tháng 1 lần và được tính bằng lãi suất cho thuê tài chính cơ bản VND do công ty TNHH MTV cho thuê tài chính - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 2,2%/ năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN IN TÀI CHÍNH

Địa chỉ: Số 24, ngõ 115, Phố Trần Cung, P.Nghĩa Tân, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 31/03/2017

Phụ lục số 03: Tăng, giảm vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng						
Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Quý hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn Đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	200.000.000.000	-	-	13.287.987,379		213.287.987,379
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-		-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	538.834.827		538.834.827
Tăng khác	-	-	-	-		-
Trích các quỹ	-	-	-	-		-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(1.221.161.324)		(1.221.161.324)
Chia cổ tức	-	-	-	-		-
Giảm khác (i)	-	-	-	-		-
Số dư cuối năm	200.000.000.000	-	-	12.605.660.882		212.605.660.882

Trong đó:

(i) bao gồm:

Quý đầu tư phát triển giảm do chuyển về ghi nhận phải trả SCIC

Quý hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp giảm do nộp về SCIC

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối giảm do nộp phạt thuế, thanh toán thù lao hội đồng quản trị